

SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT TRONG QUAN NIỆM VỀ LINH HỒN VÀ ỨNG XỬ VỚI LINH HỒN CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH VÂN NAM (TRUNG QUỐC) VỚI CƯ DÂN NGƯỜI VIỆT VÙNG ĐỒNG BẰNG CHÂU THỔ SÔNG HỒNG (VIỆT NAM)

NGUYỄN QUANG KHẢI^(*)

Năm 1984, tại Hội thảo khoa học *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam* do Viện Triết học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội (nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam) tổ chức tại thủ đô Hà Nội, GS. Trần Quốc Vượng có ý kiến cho rằng, Phật giáo được truyền vào Việt Nam bằng ba con đường: đường bộ, đường biển và đường sông. Đường sông mà các tăng sĩ nước ngoài vào Việt Nam, theo GS. Trần Quốc Vượng là sông Hồng. Từ ý kiến này, chúng tôi cho rằng, rất có thể, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số của tỉnh Vân Nam và các loại hình tín ngưỡng dân gian của cư dân người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng có mối giao lưu qua lại và do đó có sự tương đồng nào đó. Với hướng suy nghĩ đó, trong bài viết này, chúng tôi xin tìm hiểu sự tương đồng và khác biệt giữa phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với tín ngưỡng dân gian của cư dân người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng (Việt Nam), từ đó khẳng định rằng sự giao lưu và ảnh hưởng qua lại về phương diện văn hoá giữa các vùng, các khu vực là hiện tượng đương nhiên, cho nên sự tương đồng trong những biểu hiện của đời sống tín ngưỡng giữa các vùng, các khu vực là điều dễ hiểu. Cụ thể,

nội dung bài viết làm rõ sự khác biệt tương đối trong quan niệm về linh hồn và cách ứng xử với linh hồn giữa người Việt vùng châu thổ sông Hồng với các dân tộc thiểu số ở Vân Nam.

* * *

1. Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về linh hồn và sự ứng xử đối với linh hồn

1.1. Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về linh hồn bất tử

Người dân tộc thiểu số ở Vân Nam quan niệm rằng, người ta sau khi chết, linh hồn không mất đi mà tiếp tục tồn tại. Quan niệm về linh hồn bất diệt là cơ sở cho việc sùng bái linh hồn. Tuy nhiên, quan niệm của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam về linh hồn bất diệt và sự sùng bái linh hồn có nhiều điểm khác nhau. Chẳng hạn, dân tộc Cảnh Phả cho rằng, khi người ta ngủ thì linh hồn lìa khỏi cơ thể phiêu diêu ra ngoài. Người dân tộc Ngao lại cho rằng, người ta có 100 hồn. Những hồn đó cư trú ở những bộ phận với vị trí khác nhau trên cơ thể, chia nhau quản lý các hoạt động của các bộ phận với vị trí

^(*). Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh.

trên cơ thể con người, trong đó, năng lực chi phối lớn nhất và có hiệu quả nhất là hồn đầu. Dân tộc Nạp Tây rất thịnh hành việc chiêu hồn. Họ cho rằng trẻ em trên núi thả trâu đuổi báo, đến bên hồ nước, bị chết đuối nên phải mời pháp sư chiêu hồn.

Ngoài việc chiêu hồn cho trẻ con bị bệnh chết, người Nạp Tây còn có nghi lễ tế trời, tế thần tắc, tế thần gió. Khi kết thúc hoạt động tế tự tập thể, pháp sư hoặc vị trưởng giả, theo lệ, xướng cho mọi người hô một câu “Hồn hồi lại”, biểu thị sự mong muốn linh hồn theo mọi người trở về với thể xác của mình. Ngoài ra, trong các nghi thức liên quan đến an táng, người ta cũng tiến hành nghi thức chiêu hồn. Sau khi mang người chết nhập quan, người chủ trì đóng nắp áo quan đồng thời niệm chú ba lần “Hồn trở về”. Niệm chú xong, tất cả những người ở đó niệm một câu “Hồn trở về”, biểu thị linh hồn, đã phụ trên thân người, sau đó mới đóng nắp quan tài.

Trên cơ sở quan niệm linh hồn bất diệt, các dân tộc thiểu số ở Vân Nam đều có nghi thức chỉ dẫn linh hồn người chết về thế giới riêng và tiền (hoặc chỉ đường) cho hồn về đoàn tụ với tổ tiên. Tương tự như vậy, các dân tộc khi cử hành nghi thức tiễn hồn, đều tụng niệm kinh vong hồn.

Tại Việt Nam, không biết xuất hiện từ bao giờ, nhưng cư dân người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng từ rất lâu đã thịnh hành tục chiêu hồn cho người chết đuối. Gia đình có người chết đuối- không kể là người lớn hay trẻ em- sau khi đã xác định được nơi người lâm nạn và vớt được xác người thân, người ta mời pháp sư đến bên bờ sông (ao, hồ) lập bàn thờ với những vật phẩm, cành phan, làm chiếc cầu bằng vải trắng, từ mép nước lên đến bờ để dẫn đường cho người xấu số lên bờ.

Cũng nhằm dẫn đường cho vong linh người chết, trong các đám tang, khi đưa tang, bao giờ trên bàn vong cũng có cành phan, lá phướn để dẫn đường cho vong hồn người chết về thế giới bên kia, đồng thời, trong suốt đoạn đường từ nhà đến nơi mai táng, tang chủ mời nhà sư tụng kinh cho linh hồn người chết được siêu thoát.

Không quan niệm con người có nhiều loại thần cư trú trên thân thể như người dân tộc Ngao ở Vân Nam, nhưng người Việt cũng cho rằng mỗi người đều có quỷ thần ở hai vai. Khi cần thể hiện sự thành thật của mình, người Việt đều có câu “thề có quỷ thần hai vai chứng giám”.

Như vậy, ở đây, quan niệm về linh hồn và những nghi thức chiêu hồn của một số dân tộc thiểu số ở Vân Nam và người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng là tương đồng. Sự khác biệt chỉ là tiểu tiết.

1.2. Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về mối quan hệ giữa linh hồn và mộng

Trước khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập, một tập tục được lưu hành phổ biến trong các dân tộc thiểu số ở Vân Nam là mời thầy bói đến giải mộng, phán định cát, hung mỗi khi họ gặp hiện tượng báo mộng trong giấc ngủ.

Các dân tộc thiểu số ở Vân Nam, trước khi quyết định một sự kiện trọng yếu nào đó đều xem bói giải mộng, lấy mộng triệu để quyết định hành động. Dân tộc Hạng cho rằng, Mặt Trời là linh hồn của người nam, Mặt Trăng và ngôi sao là linh hồn của người nữ. Nếu người nam mộng thấy Mặt Trời rơi xuống, sẽ là điềm báo có người nam chết, nếu người nữ mộng thấy Mặt Trăng hoặc ngôi sao rơi xuống thì sắp có người nữ chết. Thậm chí, họ còn

dùng mộng để quyết định quan hệ hôn nhân. Nếu như nam nữ tình thâm ý nồng, khi chuẩn bị kết hôn, họ phải đến một vùng nào đó để nửa đêm mộng thấy thần Ba tiêu, thần Trúc tử thì hai người có thể kết hôn, được nếm vị ngọt hạnh phúc, nhiều con nhiều cháu. Nếu lại mộng thấy cây Ba tiêu, cảnh tượng đất lở, núi sập thì hai người không thể kết hôn, nếu cố tình sẽ bị rơi vào hoàn cảnh người chết, nhà tan. Người dân tộc Lật Túc cho rằng, vì Mặt Trời là linh hồn của phụ thân, còn Mặt Trăng và ngôi sao là linh hồn của mẫu thân, nên nếu người nhà mộng thấy Mặt Trời rơi xuống, thì là điềm báo người cha sẽ chết, nếu Mặt Trăng và ngôi sao rơi xuống thì là điềm báo người mẹ sẽ chết.

Các hiện tượng trong cảnh mộng của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam có cách lí giải rất hay. Người dân tộc Hà Nhĩ, dân tộc Bố Lãng nếu thấy các hiện tượng sấm chớp, núi lở đất sạt, đá đổ, cây gãy thì cho rằng nhất định sẽ có tai nạn xảy ra; nếu thấy máu, nước mắt, mồ hôi chảy thì cho rằng sẽ phát tài và có hỉ sự. Dân tộc Bạch lại giải thích các hiện tượng trong mộng như các cảnh tượng: đưa ma, tuổi trong,... thì cho là đại cát đại lợi, tài vận hanh thông, người vật hưng vượng. Dân tộc Cảnh Phả mộng thấy dùng nước sạch rửa mặt là điềm tốt; dùng nước đục rửa mặt là điềm xấu; thấy da ngựa hồng có thương tích là nhà cửa sẽ bị hoả hoạn; thấy núi trôi trên nước là sắp có hỉ sự đến; bị ngã rơi xuống chân núi thì sẽ có bệnh hoạn. Người dân tộc Nạp Tây lại giải thích: nếu thấy rằng hàm trên rụng thì người cha sẽ chết, nếu rằng hàm dưới rụng thì người mẹ sẽ chết; thấy da chó bị thương thì bị người xấu vu hãm, phỉ báng, v.v...

Cư dân người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng trước đây quan niệm rằng khi con người ngủ, hồn tạm thời rời

khỏi thể xác để đi chơi đâu đó. Nếu bị ai đó dùng mực, nhọ nồi, than,... bôi lên mặt người đang ngủ, làm cho biến dạng đi thì khi hồn trở về sẽ không nhận ra thể xác mình và lại tiếp tục đi. Việc làm này dẫn đến hậu quả là có thể người đó sẽ mãi mãi không tỉnh lại, hoặc có tỉnh lại thì sẽ rơi vào trạng thái rất mệt mỏi.

Trong việc giải mộng, người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng cũng có cách giải thích riêng. Họ cho rằng, nếu mộng thấy cháy nhà, chết người là điềm tốt; ngược lại, thấy đàn bà đẻ là điềm xấu (theo quan niệm “sinh dữ, tử lành”); thấy rằng hàm trên rụng và bị chảy máu thì sẽ có người bề trên nội tộc chết, rằng hàm dưới rụng và có chảy máu là sẽ có người hàng dưới nội tộc chết; rụng răng nhưng không chảy máu là người bên ngoại sẽ chết. Người ta cũng cho rằng, mộng thấy đĩa cắn là điềm không bình thường, v.v...

1.3. Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hình bóng con người

Người dân tộc thiểu số ở Vân Nam thường lấy hình bóng con người tượng trưng cho linh hồn. Họ cho rằng, nếu như đập vào trước hình bóng, cưỡi lên hoặc làm bị thương hình bóng thì người đó sẽ cảm thấy bị đau đớn ở một phần cơ thể nào đó. Nhiều người trong các dân tộc Nạp Tây, Phôn, Phổ Mễ rất yêu mến và bảo vệ hình bóng của mình, rất sợ hình bóng của mình bị phương hại. Dân tộc Tạng nghiêm cấm người khác, đặc biệt là phụ nữ, giẫm đạp lên hình bóng của mình, vì quan niệm rằng, giẫm đạp lên hình bóng của mình là giẫm đạp lên thân thể mình. Thầy phù thủy thường dùng dao kiếm đâm chém vào hình bóng kẻ thù để khiến cho người đó bị bệnh. Họ không dám nhìn vào hang tối hoặc giếng sâu, sợ rằng hình bóng của mình rơi xuống đó, khiến cho thân mình bị chết. Do nhận

thức hình bóng là bộ phận làm nên sinh mệnh của mình, họ cho rằng hình bóng mà mất thì họ sẽ bị bệnh tật hoặc là chết. Do đó, họ coi bảo vệ hình bóng cũng tức là bảo vệ linh hồn không xa rời thân thể.

Người Hán ở một số khu vực miền núi Vân Nam khi cho người chết vào áo quan, trừ những người thân của người chết, những người khác đều không được có mặt ở đó. Bởi vì họ quan niệm rằng, hình bóng của ai đó mà in trên quan tài, thì người đó sẽ bị bệnh cho đến chết. Khi hạ huyệt, những người đứng xung quanh phải giữ khoảng cách nhất định ở phía sau để sao cho hình bóng của họ không rơi xuống mộ, tránh gây phương hại đến bản thân họ. Thầy phù thủy người Lật Túc vì việc trị bệnh cho người nào đó mà thực hành vụ thuật. Việc đầu tiên, ông ta triệu hồi hình bóng của người ấy về. Vào lúc chính Ngọ hàng ngày, đầu tiên, thầy phù thủy lấy một chậu nước trong đặt trước mặt người bệnh để hình bóng người đó hiện ra, đồng thời hiến tế đồ cúng, đọc khế bài cúng chiêu hình, hô hoán mất hình bóng, rồi lại trở lại đứng bên cạnh bệnh nhân.

Từ quan niệm hình bóng có quan hệ mật thiết với linh hồn, nhiều dân tộc thiểu số của Vân Nam rất sợ chụp ảnh. Họ tin rằng, hình người trong ảnh có linh hồn của chính mình. Nếu bị chụp ảnh, linh hồn sẽ rời khỏi cơ thể. Người ta không dám chụp ảnh, thậm chí không dám xem bóng của mình trong nước, đôi khi không dám nhìn xuống giếng, mặt sông hồ. Bởi vì họ sợ quái vật ở những nơi đó đi theo hình bóng của họ mà gây bệnh tật, chết chóc. Đến nay, một số dân tộc thiểu số ở Vân Nam không dám soi gương trong đêm để đề phòng linh hồn rời khỏi cơ thể mình, rồi sẽ bị chết. Nhiều dân tộc ở Trung Quốc lưu hành rộng rãi việc phóng ảnh người chết. Không ít gia đình

người chết dùng ảnh phóng to hoặc lấy ảnh người chết truyền vào tường vách với quan niệm rằng linh hồn người chết thấy được hình ảnh của mình sẽ mang đi. Người bệnh lại càng không nên chụp ảnh, vì người ta tin rằng, người có bệnh, linh hồn rất dễ phiêu diêu. Nếu như bị chụp ảnh thì linh hồn sẽ dễ rời thân thể, bệnh tình sẽ trầm trọng thêm.

Người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng trước đây cũng có tập tục rất kiêng bị giẫm lên bóng của mình. Người ta cho đó là hành vi xúc phạm đến bản thân mình, đồng thời cũng quan niệm rằng nếu bị ai đó giẫm lên bóng thì đêm về sẽ bị một mối. Người Việt cũng cho rằng, chụp ảnh sẽ ảnh hưởng đến nhan sắc và sức khỏe của bản thân, nhưng không trầm trọng hoá vấn đề như người dân tộc thiểu số ở Vân Nam như đã trình bày. Người Việt còn cho rằng, ma quỷ không có hình bóng. Nếu người nào đó ra nắng không có bóng, nhìn xuống mặt nước không có hình thì đó là ma quỷ.

2. Sự tương đồng và khác biệt trong việc sùng bái tổ tiên, sùng bái linh hồn

Phong tục sùng bái tổ tiên của loài người có từ lâu. Hình thức sùng bái tổ tiên của các dân tộc trên thế giới rất đa dạng, nhưng cơ bản đều xuất phát từ đạo lý “uống nước nhớ nguồn” mà thành. Sùng bái tổ tiên là một phương diện của sự sùng bái linh hồn. Người xưa có quan niệm phổ biến rằng, người ta sau khi chết, linh hồn tách rời thể xác, nhưng linh hồn không chết. Linh hồn tồn tại một cách đơn độc và đều biến thành hồn ma. Người ta suy đoán rằng, sau khi chết, hồn ma sinh hoạt ở một thế giới riêng, nhưng lại duy trì mối quan hệ nhất định với gia đình, họ hàng người sống của mình và ngầm theo dõi, bảo hộ thân nhân, đồng

thời tham gia vào một số hoạt động nào đó của thân nhân. Về phía người sống, xuất phát từ nhu cầu bảo hộ vong hồn tiên nhân và tâm lí báo đáp ơn dưỡng dục của tiên tổ, từ đó, họ có những việc làm thể hiện sự sùng bái tổ tiên.

2.1 Sự tương đồng và khác biệt về nghi thức mai táng

Sự sùng bái tổ tiên của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam chủ yếu biểu hiện bằng các nghi thức bảo vệ thi thể, đưa ma, trong việc khâm niệm, quần thi thể của tiên nhân sau khi chết. Các dân tộc Cảnh Phả, Nạp Tây, A Xương, người ta đều cho một ít tiền, gạo, trà vào miệng người chết theo quan niệm cấp cho vong linh người chết trước khi vĩnh biệt một số “phí dụng” sinh hoạt ở thế giới bên kia. Dân tộc Nạp Tây khi khâm niệm người chết, việc đầu tiên là lau rửa di thể, sau đó xoa dầu toàn thân. Người Cơ Nặc sau khi chết, con trai toàn thân vào rừng hạ một cây đại thụ, chọn lấy một đoạn, khoét ở đoạn giữa, rồi đặt di thể của người chết vào đó. Dân tộc Ngõa và dân tộc Độc Long cũng lấy một đoạn gỗ nguyên cây, đục đoạn giữa, đặt di thể người chết vào đó; đôi khi người ta lấy trúc, chiếu, quần áo bọc di thể người chết. Dân tộc Lật Túc khi quần người chết trong nhà, mỗi ngày hiến cho người chết cơm rượu và nước lạnh ba lần. Các dân tộc Phổ Mễ, Nạp Tây cho rằng, điều quan trọng là có dầu đèn trước vong linh người chết và kính hiến các cúng phẩm: rượu, trà, cơm, rau, đường quả, tượng trưng cho việc người chết tiếp tục hưởng dụng các loại thực phẩm. Dân tộc Nộ, sau khi có người chết trong họ, làng mình, mỗi người đội trên đầu một bình rượu nhỏ mang đến tang gia phúng viếng. Sau đó, thầy cúng mang rượu đó rửa cho người chết, biểu thị cùng với người chết uống rượu li biệt.

Người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng, khi thân nhân hấp hối, người nhà ra ngã ba, ngã tư đường làng hú gọi “ba hồn bảy vía cụ X, cụ Y ở đâu thì về với con cháu”. Khi đã xác định là không thể cứu sống được, người nhà vuốt mắt, chải dầu, dùng nước thơm rửa mặt, lau thi thể và dùng gạo tiên bỏ vào miệng người chết (gọi là “phạm hàm”). Sau đó thay quần áo rồi tiến hành khâm niệm thi thể người chết, bằng cách đặt hai cánh tay xuôi xuống hai bên sườn, buộc hai ngón chân cái lại, lấy vải bọc bàn chân bàn tay rồi lấy tấm vải trắng sạch, rộng quấn lấy thi thể và dùng dây vải bó chặt bụng người chết. Sau khi chọn được giờ lành, tiến hành nhập quan. Trước khi nhập quan, người ta cho thi thể người chết tiếp xúc với đất ba lần. Sau đó, người ta di chuyển quan tài đến gian giữa ngôi nhà chính, đặt phần đầu hướng vào trong (đến nửa đêm mới quay đầu quan tài hướng ra cửa), trên nắp quan tài có đặt bát cơm, quả trứng luộc và đôi đĩa bông cấm xuống bát cơm, ở hai bên quả trứng và thắp hương, nến. Khi này con cháu mới khóc và mặc tang phục. Các con thì mặc áo xô sổ gấu, thắt dây chuỗi, đi chân đất. Con trai thì đội lùn rơm, chống gậy (cha chết thì chống gậy tre, mẹ chết thì chống gậy vông). Con cháu phải đứng xếp hàng hai bên linh cữu.

Quan tài của người Việt cũng được làm bằng gỗ. Tuy gia cảnh và địa vị xã hội của người quá cố mà thân nhân người chết chuẩn bị quan tài bằng chất liệu gỗ gì và sự bền chắc ra sao. Nhìn chung, quan tài của người Việt đều được sơn vẽ hoạ tiết mây rồng. Tìm hiểu các mộ táng cổ ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng, chúng tôi cũng thấy, người Việt xưa táng người chết vào giữa thân các cây to như của dân tộc Ngõa và dân tộc Độc Long ở Vân Nam.

Về việc quần thi thể người quá cố ở trong nhà của người Việt, tùy gia thế và địa vị xã hội của người quá cố mà thời gian quần tại nhà dài hay ngắn, có thể là một hai ngày cho đến hàng tháng. Trong thời gian này, con cháu nội ngoại xa gần, thân bằng cố hữu, các tổ chức xã hội, v.v... đến viếng và chia buồn với tang quyến. Những người đến viếng lạy người quá cố ba lạy, con cháu phải đáp lễ lại một lạy. Với những người già qua đời, tang chủ tổ chức thổi kèn thờ, đánh trống cây và diễn tích “Mục Liên- Thanh Đề” (đối với cụ bà) một vài đêm. Đến một đoạn phù hợp nào đó, các con dâu, con gái phải uống ba bát huyết hồ (được chế từ một loại phẩm đỏ hoà vào bát nước). Trong gian nhà quần thi thể người chết, người ta bày các bức trướng, câu đối của thân bằng cố hữu, bạn bè, gia tộc. Các bức trướng và câu đối đều có nội dung ca ngợi đạo đức và công lao của người quá cố đối với gia đình, dòng họ, làng mạc, quê hương.

Đưa ma là nghi thức quan trọng trong sự sùng bái tổ tiên của nhiều dân tộc ở Vân Nam. Các dân tộc Cảnh Pha, Nạp Tây đều do thầy cúng cầm đao mâu hoặc pháp trượng dẫn trước để mở đường cho người chết, nhằm không cho dã quỷ xâm phạm vong linh thân nhân của mình. Dân tộc Lật Túc khi đưa ma, lại mang di thể phóng trên khoảng đất không ngoài cửa lớn, phía trước đầu đặt hai cành cây gai, sau đó thầy cúng đem cành cây ra bên cạnh, trước đó dùng hai thanh niên múa đao dẫn đường, đem thi thể đến đất làng mai táng. Lễ đưa ma của dân tộc Độc Long lại có tính đặc thù đó là quan tài không được đưa ra theo cửa chính mà phải mở một đường khác.

Người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng khi đưa ma, người ta cũng mời một nhà sư dẫn đầu, tay cầm cây tích

trượng, tay lần tràng hạt đọc kinh dẫn đường cho vong. Hai bên đường có nhiều người cầm cờ thần, câu đối, trướng và có hai người rắc vàng mã xuống đường. Tiếp đó là bàn vong, trên đó có bát hương, ảnh của người quá cố, có cành phan, lá phướn và hai biển nhỏ bằng vải trắng, thường ghi hai chữ “Trung, Tín” nếu là cụ ông hoặc “Trinh, Thuận” nếu là cụ bà. Tiếp theo là đoàn chiêng trống, phường kèn vừa đi vừa cử nhạc tang. Tiếp nữa là quan tài được đặt trên bộ đòn bằng gỗ chạm đầu rồng và sơn son thếp vàng, với các đồ tùy mặc quần áo đen khiêng trên vai. Nếu người quá cố là cụ bà thì người ta lập một đoạn cầu vải từ bàn vong đến quan tài mà chân cầu là các cụ bà mặc áo dài nâu vừa đội cầu vừa tụng kinh Phật cho vong hồn người chết. Sau cùng là đoàn người đưa tang gồm con cháu, họ hàng, bạn bè, người làng. Khi đến huyết, người ta thắp hương cho các ngôi mộ xung quanh với ý nghĩa thông báo cho những vong linh mới đến. Đồng thời, nhà sư và các cụ bà tiếp tục đọc kinh Phật. Vị chấp hiệu chỉ đạo việc hạ huyết. Thân quyến của người quá cố mỗi người ném một nắm đất xuống huyết mộ. Một số người phải giữ người thân của người quá cố vì có người thương xót cha mẹ (hoặc chồng con) quá muốn lẫn xuống mộ. Khi đắp mộ, người ta phải cắm một ngọn cây để xác định vị trí trung tâm của mộ để không đắp lệch mộ. Con cháu người quá cố đưa ma phải đi đến nơi về đến chốn chứ không ngang đường trở về.

Đối với người đã chết, phép tắc của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam đại thể có hai loại hình: một là phép táng làm mất di thể, như thiên táng và thủy táng của dân tộc Tạng. Hoả táng của các dân tộc Tạng, Mạo, Bạch, Nộ, Nạp Tây, Hà Nhĩ; hai là phép táng lưu giữ di thể, như thổ táng

của các dân tộc Ngôã, Thái, Lật Túc, Bó Lãng, Độc Long. Bất kể là hoả táng hay thổ táng, người ta đều thể hiện sự sùng bái đối với tổ tiên sau khi chết. Trước đây, vì quan niệm linh hồn người chết cần sớm thoát li thể xác để vui vẻ nhập vào thế giới bên kia, nên người ta lấy việc thi thể người chết sớm được tiêu tan làm trọng. Sau này, vì cho rằng linh hồn thường lấy di thể làm nơi nương tựa, họ lại lấy việc bảo vệ thi thể làm trọng.

Khác với một số cách thức mai táng trên đây, người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng trước đây chủ yếu là thổ táng với quan niệm cần bảo vệ thi thể thân nhân (gần đây mới có hoả táng, nhưng chưa phổ biến ở vùng nông thôn).

Tại Vân Nam, thế đất, hướng đất để mai táng người chết cũng phản ánh sự khác nhau trong sự sùng bái tổ tiên của người dân tộc thiểu số ở đây. Dân tộc Nô mang di thể người già chết mai táng vào khu đất vườn phía sau nhà ở, mục đích là để vong linh tổ tiên thường xuyên duy trì mối quan hệ với người sống và vẫn có thể bảo trợ người nhà. Đối với dân tộc Độc Long, bất luận người chết là nam hay nữ, khi mai táng đều để cánh tay đặt cạnh thân mình, đầu hướng về phương Bắc, chân hướng về phương Nam, mặt hướng về phương Đông, lưng hướng về phương Tây, (riêng người già được mai táng ở gần chỗ ở của gia đình). Theo truyền thuyết, cách mai táng này có thể khiến cho vong hồn tổ tiên bảo hộ được sự hưng vượng của người nhà. Dân tộc Bó Lãng, khi mai táng, đặt đầu người chết hướng về phương Tây, phía Mặt Trời lặn, chân hướng về phương Đông, phía Mặt Trời mọc.

Gò đất mai táng và phương thức xử lý nó cũng là một phương diện thể hiện sự sùng bái tổ tiên. Dân tộc Cảnh Phả, khi mai táng người chết, rất chú trọng đến gò

đất mai táng. Họ dùng dao dài, quần áo,... của người chết khi còn sống đã từng dùng, treo lên một cành cây nhỏ trước mộ, biểu thị những vật đó do người chết mang đi để tiếp tục sử dụng ở thế giới bên kia; đồng thời trồng trước mộ các loại lúa, rau, biểu thị cúng cho người chết dùng. Dân tộc Lật Túc lại mang đến gò mộ người chết là nam giới các loại cung nỏ, bao tên, bầu rượu, v.v... mà người đó khi còn sống đã từng dùng; mang đến gò mộ người chết là nữ giới các loại công cụ dệt, vải, gấm mà khi còn sống họ đã từng dùng. Những vật phẩm cho người chết của dân tộc Lạp Cô: con trai dùng túi vải gai thô, cung nỏ,...; con gái, ngoài những thứ trên, còn có thêm cây trúc xanh. Cách cúng những vật dụng trên đây cho người chết là mang những vật đó thiêu hết. Dân tộc Ngôã lại mang phần lớn vật phẩm cúng cho người chết đặt trong quan tài.

Người Việt ở vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng có hai lần mai táng cho người chết. Lần đầu, người ta gọi là hung táng, với lí do trong lúc tang gia bối rối, chưa có điều kiện tìm được đất đẹp, nên tạm thời mai táng thân nhân vào khu đất chưa được lựa chọn kĩ. Sau ba năm, người nhà có đủ thời gian nhờ thầy địa lí tìm cho thế đất tốt để an táng di hài người thân. Lần an táng này gọi là cát táng. Thế đất tốt phải đạt yêu cầu: hướng đất, thế đất hợp với tuổi người đã mất. Thế đất đó thường phải có án, có minh đường, phải là “chằm sơn, đập thủy”, phải có “tả thanh long, hữu bạch hổ”, “lưỡng long tranh châu”, phải có nghiên, có bút, v.v...

Đối với những gia đình quyền quý, vua chúa, người ta tìm đất xây lăng tẩm ngay từ khi còn sống nên thường chỉ mai táng một lần.

Người Việt cũng chôn theo những vật dụng mà khi người chết còn sống thường

dùng, như quyển sách, cái quạt, âu trầu (và cỗ bài tổ tôm với ý nghĩa trừ tà).

2.2. Sự tương đồng và khác biệt trong thờ cúng và tế tự tổ tiên

Phương thức sùng bái tổ tiên gia đình của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam có sự khác nhau. Với dân tộc Di, khi trong nhà có người già chết được một năm, con cháu mời thầy cúng thiết lập bài vị cho cha mẹ đã chết. Nơi mà dân tộc này bày đặt bài vị cũng không thống nhất, nhưng đều phải xa khóm trúc.

Trong từ đường của mỗi gia đình Dân tộc Di huyện Cảnh Đông (Vân Nam, Trung Quốc) đều treo một bức vẽ lớn ảnh của từng vị tiên tổ các đời của gia đình để thờ cúng. Người già của dân tộc này sau khi chết, người nhà dùng sáp ong tạo thành tượng với kích thước nhỏ, đặt thờ trên lầu của gia đình, sau một năm thì tiến hành hiến tế. Sự sùng bái tổ tiên lấy gia đình làm trung tâm như thế cũng khá thịnh hành ở dân tộc Nạp Tây. Người Nạp Tây ở huyện Diên, người già sau khi chết được hoả táng. Người ta lấy tro cốt tại nơi hoả táng mang về nhà, treo lên cột gỗ, mỗi ngày thắp hương cúng cơm, cho đến mùa đông năm sau lại mai táng tro cốt. Khi mai táng tro cốt, người ta lấy cành cây tùng tạo thành hình người, đem tro cốt trát kĩ vào tượng gỗ, biểu thị linh hồn tổ tiên đã nhập vào tượng gỗ đó, tiếp đó mang tượng vào hang núi gần làng, biểu thị rằng đã mang vong linh cha mẹ trở về với tổ tiên.

Dân tộc A Xương, vào ngày 1 tháng 7 âm lịch hằng năm, người ta đưa vong linh tiên tổ đến miếu thành hoàng của làng, sau đó đem về nhà thờ cúng và hiến tế. Dân tộc Cảnh Phả lấy gia đình làm đơn vị trong việc sùng bái tổ tiên. Ông bà chết do bố mẹ thờ cúng, bố mẹ chết do con gái thờ cúng. Như vậy, mỗi đời người chỉ thờ cúng bố mẹ của mình.

Dân tộc Bố Lãng huyện Mặc Giang, mỗi năm, đến ngày giỗ cha mẹ, cử hành tế tổ, dùng một thủ lợn nhỏ, một bát cơm, một thăng gạo, một chén trà, một cây dẻ (thay cho “cây bồ đề”) mang vào góc tường trong phòng nơi khi còn sống tổ tiên đã ở. Khi cúng, thầy cúng hay trưởng nam của gia đình mang vật cúng trước “cây bồ đề”, cúng xong, dùng ngọn “cây bồ đề” đâm vào con lợn. Đợi khi được nấu chín, lấy thịt thủ lợn chia cho những người họ khác ăn. Dân tộc Nạp Cổ, mỗi gia đình đều thờ cúng bài vị cha mẹ đã chết. Bài vị đó được ghép lại từ những mảnh trúc nhỏ thành hình vuông. Ngày thường, bài vị được treo trên tường vách trước đầu giường lớn, vào các tiết trong năm, lấy cơm rượu cúng bái. Vật tượng trưng của thần linh tiên tổ của dân tộc Phổ Mễ là ánh lửa của ngọn đèn trong phòng chính, Mỗi ngày, trước khi ăn uống đều phải dâng cúng tổ tiên. Khi cúng, mang cơm rau đặt trên ba góc giá cùng với rượu và chén nước chè. Gia đình dân tộc Ngoã lại có một gian nhà làm “Quỷ hoá đường”. Khi tế, người ta lập tế đàn trước hoá đường và cúng cơm, rau, nước, rượu. Sau đó kính thỉnh “tổ ông, tổ bà” hưởng cúng phẩm. Ngoài ra, các dân tộc Hà Nhõ, Cơ Nhước, Bố Y, Miêu, Dao, Tráng đều có nghi thức thể hiện sự sùng bái tổ tiên, nhưng có sự khác nhau về tiểu tiết.

Người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng, sau khi người thân qua đời, hàng ngày, trước mỗi bữa ăn, người nhà thắp hương và cúng cơm cho người chết. Lễ cúng cơm (ăn gì cúng thức ấy) và thắp hương được duy trì đều đặn đúng 100 ngày. Sở dĩ có tục này vì người ta quan niệm rằng, trong những ngày đó, vong hồn của người chết vẫn quanh quẩn trong nhà. Cũng thời gian này, người nhà làm lễ cúng Ba ngày (kể từ ngày thân nhân tắt thở). Trong lễ Ba ngày, con cháu mặc

tang phục mang dụng cụ ra sửa sang phân mộ. Tiếp đó, người nhà tổ chức các lễ: Tuần đầu, Tuần cuối (vào ngày 1 và ngày 15 tháng âm lịch liên đó), tuần 49 ngày, tuần 100 ngày. Một năm sau, đúng vào ngày thân nhân qua đời, người nhà làm lễ Giỗ đầu. Ba năm sau thì làm lễ cải cát. Trong những ngày này, khi làm lễ cúng, con cháu đều mặc đồ tang và tỏ sự thương xót người thân. Đối với các cụ bà, đến tuần 49 ngày, người ta gửi vong linh người chết lên chùa.

Xong việc tang ma, người ta đưa ảnh và bài vị của thân nhân lên bàn thờ gia tiên để thờ (nếu người chết còn trẻ và là bậc con cháu thì lập bàn thờ riêng), mang những bức trướng, câu đối vào nhà thờ.

Người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng từ xưa có các quy định về việc để tang người chết. Hình thức để tang người chết là chít khăn trắng (ngày nay là đeo băng tang). Con để tang bố mẹ, vợ để tang chồng là ba năm, cháu để tang thím dâu, chồng để tang vợ, anh em để tang nhau là một năm, cháu để tang cô ruột 9 tháng, hàng xóm để tang nhau ba ngày.

Liên quan đến đạo lý sùng bái tổ tiên, người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng từ xưa đã có tập quán lập gia phả. Gia phả được ghi theo trật tự thế thứ từ vị thủy tổ trở xuống và có các thông tin cơ bản của từng thành viên gia đình. Các dòng họ của người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng hầu hết có từ đường. Nhiều dòng họ lớn, đến mùa xuân hằng năm, người ta tổ chức tế tổ (gọi là “Xuân tế tổ”). Trong dịp đó, người ta đọc gia phả, đi tảo mộ (có nơi tảo mộ vào ngày 23 tháng Chạp hoặc chiều 30 tháng Chạp

âm lịch). Những họ lớn, người ta xây khu nghĩa địa riêng. Có lẽ những điều này cũng tương tự với một số dân tộc ở Vân Nam, Trung Quốc.

* *
*

Từ sự trình bày trên đây, chúng tôi xin rút ra mấy điều nhận biết như sau:

1- Quan niệm về linh hồn và các hành vi đối xử với linh hồn của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam (Trung Quốc) và cư dân người Việt ở Đồng bằng châu thổ sông Hồng có sự tương đồng trên nhiều phương diện. Điều đó chứng tỏ mối quan tâm đến linh hồn và truyền thống sùng bái linh hồn tổ tiên là nét văn hoá chung của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam và của người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng.

2- Trong ứng xử với linh hồn của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam và của cư dân người Việt ở Đồng bằng châu thổ sông Hồng có một số chi tiết khác biệt là do kết quả của quá trình tiếp biến văn hoá, trong đó Nho giáo, Phật giáo và tín ngưỡng bản địa đóng vai trò quan trọng. Những chi tiết khác biệt này góp phần tạo nên bản sắc văn hoá riêng của mỗi dân tộc, mỗi vùng miền.

3- Quan niệm về linh hồn và cách ứng xử với linh hồn của các dân tộc thiểu số ở Vân Nam (Trung Quốc) và của cư dân người Việt vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng tuy có một số chi tiết khác biệt nhưng đều phản ánh đạo lý biết ơn tổ tiên, đề cao đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Điều đó góp phần làm nên sự trường tồn bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc./.